



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM



ỦY BAN DÂN TỘC



ĐỂ PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHÔNG BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU

Hà Nội, tháng 10/2019



Nguồn: Báo ảnh Việt Nam

Trong nhiều thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong phát triển, đặc biệt là công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển vùng dân tộc thiểu số (DTTS). Với mục tiêu phát triển bình đẳng, đồng đều ở tất cả các vùng, miền, các nhóm xã hội, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh các chính sách nhằm tăng cơ hội cho phụ nữ, đặc biệt là nhóm phụ nữ DTTS tiếp cận các nguồn lực xã hội, đảm bảo tính công bằng và toàn diện hơn. Hệ thống chính sách, pháp luật về DTTS, miền núi không ngừng được hoàn thiện, ưu tiên bố trí huy động nguồn lực để thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, không chỉ hỗ trợ trực tiếp về đời sống cho đồng bào DTTS nói chung trong đó có phụ nữ DTTS mà còn mở ra cho họ nhiều cơ hội về sinh kế, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội...

Tuy nhiên, với người DTTS nói chung và phụ nữ DTTS nói riêng vẫn còn những khoảng cách trong tiếp cận và thụ hưởng thành quả phát triển. Số liệu thống kê và kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... cho thấy, phụ nữ DTTS là nhóm có nguy cơ cao bị bỏ lại phía sau do tính dễ bị tổn thương kép với đặc thù vừa là phụ nữ, vừa là người DTTS¹, trong khi đa phần chính sách chưa coi phụ nữ DTTS là một nguồn lực quan trọng của sự phát triển, mang tính đặc thù đối tượng. Đồng thời, các bằng chứng thực tiễn đã chỉ ra một số vấn đề giới ở vùng DTTS đang nghiêm trọng hơn so với vấn đề giới nói chung ở Việt Nam và rất cần được quan tâm giải quyết như kinh tế (bao gồm việc làm, thu nhập, tham gia thị trường); xã hội (giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe) và tham gia chính trị. Chính vì vậy, cần có chính sách đặc thù nhằm phát huy nội lực của phụ nữ DTTS, hỗ trợ để phụ nữ DTTS không rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bị tách biệt xã hội, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của phụ nữ DTTS trong thời gian tới.

Tài liệu này do Trung ương Hội LHPN Việt Nam và Ủy ban Dân tộc tổng hợp từ các số liệu, báo cáo của Điều tra quốc gia về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 Dân tộc thiểu số ở Việt Nam (2015) và một số nghiên cứu về DTTS giai đoạn gần đây, đồng thời, tóm lược một vài gợi ý chính sách nhằm hỗ trợ quá trình quyết định các chính sách quan trọng đối với vùng DTTS.

1 PGS. TS Đặng Thị Hoa, 2019, Những thách thức, rào cản phụ nữ dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển - Tổng quan thực trạng và hàm ý chính sách. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau", Nxb Đại học Quốc gia (tr 11).



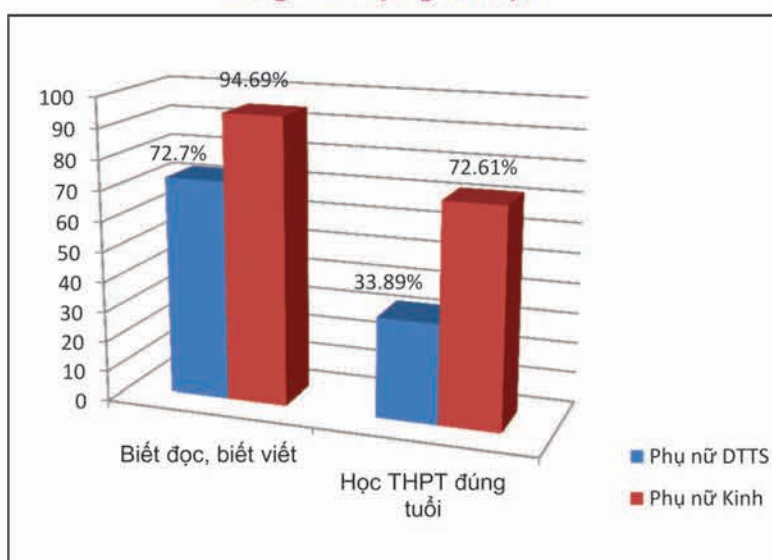
RÀO CẢN PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái DTTS biết đọc, biết viết chữ phổ thông ít hơn đáng kể so với nam giới DTTS và nữ dân tộc Kinh²

Số liệu chỉ ra có sự khác biệt về tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông từ 15 tuổi trở lên giữa nam và nữ DTTS: chỉ có 72,70% phụ nữ DTTS biết chữ so với 85,53% nam DTTS. Ở nhóm tuổi càng cao thì tỉ lệ người DTTS, đặc biệt nữ DTTS, biết đọc, biết viết chữ phổ thông càng thấp. Trong nhóm từ 65 tuổi trở lên, chỉ có 65,87% nam DTTS và 39,08% nữ DTTS biết đọc, biết viết chữ phổ thông³. Tỉ lệ mù chữ cao ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp cận và chia sẻ thông tin của phụ nữ.

Khoảng cách này cũng thể hiện rõ ở tỉ lệ biết đọc, biết viết giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh: trong khi có tới 94,69% phụ nữ dân tộc Kinh biết chữ, tỉ lệ này ở phụ nữ DTTS là 72,7%; chỉ có 33% học sinh nữ DTTS học ở bậc THPT đúng độ tuổi so với 72% học sinh nữ dân tộc Kinh... (Hình 1).

Hình 1: Chênh lệch giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh trong lĩnh vực giáo dục



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2015 (tr 100, 106)

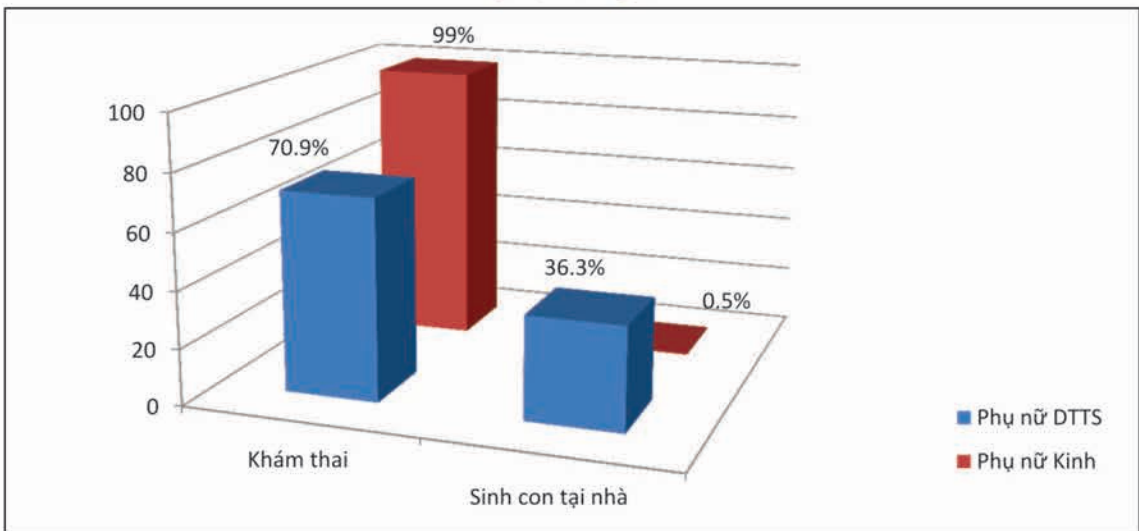
2 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 94).

3 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 11).

2. Chăm sóc sức khỏe nói chung và sức khỏe sinh sản nói riêng cho phụ nữ DTTS đã có nhiều tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách đáng kể so với phụ nữ Kinh

Mặc dù tình trạng phụ nữ DTTS sinh con tại nhà đã giảm khá nhanh trong thời gian qua, tuy nhiên đến năm 2015 vẫn còn 36,3% phụ nữ DTTS sinh con tại nhà, so với tỉ lệ 0,5% của phụ nữ Kinh. Tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 12-29 tuổi mang thai có đến cơ sở y tế khám thai là 70,9%, so với tỉ lệ phụ nữ Kinh/Hoa từ 15-49 tuổi mang thai được chăm sóc bởi một cán bộ y tế có chuyên môn trong quá trình mang thai là 99%⁴ (Hình 2).

Hình 2: Tỉ lệ khám thai và sinh con tại nhà của phụ nữ DTTS so với phụ nữ người Kinh



Nguồn: Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy Bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 15)

Đặc biệt, ở một số nhóm DTTS (Mông, Thái, Ba Na, Tày, Dao, Nùng), tỉ lệ tử vong bà mẹ vẫn **cao gấp 4 lần** so với phụ nữ Kinh⁵. Tử vong ở trẻ vẫn là một trong những thách thức rất lớn ở khu vực DTTS. Có tới 53% các DTTS có tỉ suất tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi cao hơn 22‰ và 66% có tỉ suất cao hơn 19‰, là mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) lần lượt đến năm 2020 và 2025. Về tỉ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi, có đến 75% các dân tộc có tỉ suất cao hơn 27‰ (mục tiêu 2020). Tử vong trẻ em đặc biệt đáng báo động với các dân tộc La Hủ, Lự, Mảng, Si La, Rơ Măm, và Cơ Lao, với tỉ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi trên 40‰ và trẻ dưới 5 tuổi trên 60‰, **gấp 2,5 lần** mức bình quân của các DTTS và **gấp 3 lần** mức bình quân chung của cả nước⁶.

4 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 15).

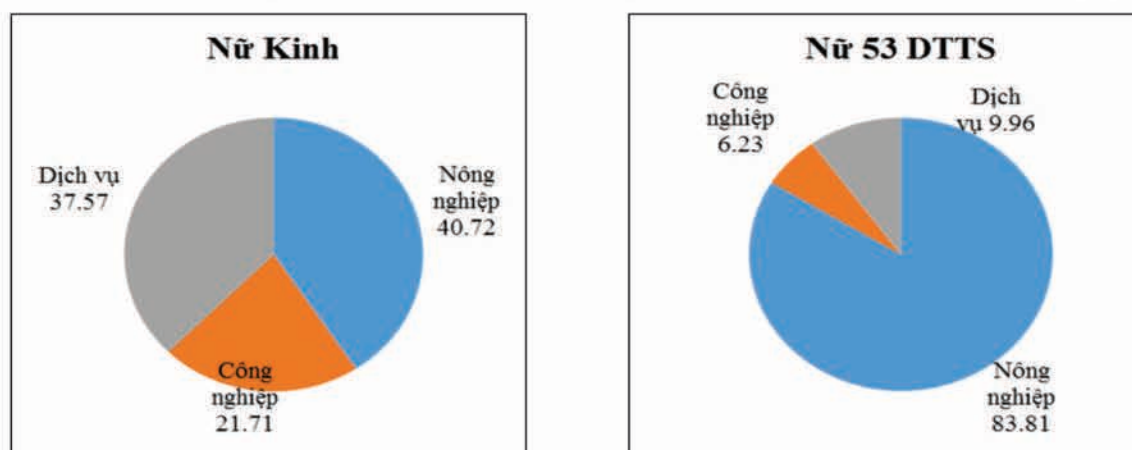
5 UN Women, Ủy ban Dân tộc, 2015, Tóm tắt về tình hình phụ nữ và trẻ em gái DTTS ở Việt Nam (tr 6).

6 Irish Aid, Ủy ban Dân tộc, UNDP, 2015, Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2015 (tr 84).

3. Lực lượng lao động nữ DTTS mặc dù tham gia thị trường lao động sớm nhưng đang gặp nhiều bất lợi⁷.

So với dân tộc Kinh, tỉ lệ lao động DTTS làm công việc chuyên môn kỹ thuật rất thấp, đa số làm công việc phổ thông, giản đơn. Tỉ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật rất thấp: nam 6,53%; nữ 5,69%, chỉ bằng 1/3 so với tỉ lệ tương ứng của người Kinh⁸. Có tới 12/53 DTTS có tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật dưới 2% (như Xtiêng, Mảng, Brâu)⁹. Tỉ lệ phụ nữ DTTS có việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp cao gấp đôi so với phụ nữ người Kinh, tuy nhiên, phần lớn áp dụng kỹ thuật sản xuất lạc hậu, năng suất và sản lượng thấp¹⁰ (Hình 3). Tỉ lệ nữ DTTS có việc làm trong ngành dịch vụ chỉ bằng 1/3 so với tỉ lệ chung của nữ chung cả nước và 1/4 so với tỉ lệ chung của nữ dân tộc Kinh; Nữ DTTS có việc làm trong lĩnh vực công nghiệp là 6,23%, chỉ bằng 1/2 so với nam DTTS (11,03%) và bằng 1/4 so với nữ dân tộc Kinh (21,71%)....¹¹.

Hình 3: Cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế, dân tộc và giới tính năm 2015 (%)



Nguồn: Thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm của người DTTS ở Việt Nam (tr 21)¹²

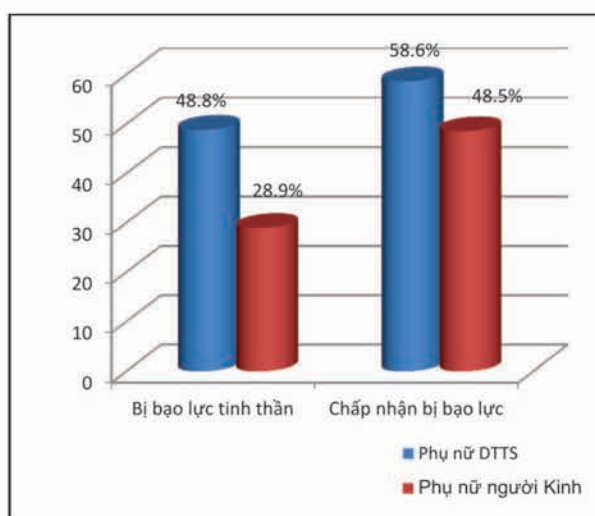
- 7 PGS. TS Đặng Thị Hoa, 2019, Những thách thức, rào cản phụ nữ dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển - Tổng quan thực trạng và hàm ý chính sách. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau”, Nxb Đại học Quốc gia (tr 11).
- 8 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 6).
- 9 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 6).
- 10 ThS Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019, Thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm của người DTTS ở Việt Nam. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau”, Nxb Đại học Quốc gia (tr 21).
- 11 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 74).
- 12 ThS Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019, Thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm của người DTTS ở Việt Nam. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau”, Nxb Đại học Quốc gia (tr 21).

Khoảng cách thu nhập giữa hộ gia đình DTTS và hộ gia đình người Kinh và giữa chủ hộ nữ DTTS với chủ hộ nam DTTS vẫn tồn tại: Thu nhập bình quân 1 nhân khẩu/tháng của hộ gia đình DTTS năm 2015 chỉ là 1.161 nghìn đồng/người/tháng, tương đương với 45% mức bình quân chung của cả nước và bằng 41% mức bình quân của dân tộc Kinh... Tại một số DTTS tỉ lệ này thấp hơn rất nhiều như Lô Lô, chủ hộ nam có thu nhập bình quân đầu người 549 nghìn đồng/tháng, chủ hộ nữ chỉ có 389 nghìn đồng/tháng; ở dân tộc Chứt, chủ hộ nam 560 nghìn đồng/tháng, chủ hộ nữ chỉ có 397 nghìn đồng/tháng...¹³.

4. Bạo lực gia đình ở hộ gia đình dân tộc thiểu số trầm trọng hơn so với hộ gia đình người Kinh¹⁴

Theo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình năm 2010, tỉ lệ bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục ở các nhóm DTTS ở mức khoảng 35%; khoảng 22,3% phụ nữ DTTS cho biết trong đời đã từng chịu đựng quan hệ tình dục không mong muốn với bạn tình, so với tỉ lệ chung cả nước là 13,3%. Tỉ lệ bạo lực tinh thần đối với phụ nữ DTTS do người chồng gây ra là 48,8%, cao hơn gần 1,7 lần so với tỉ lệ chung cả nước là 28,9%¹⁵.

Hình 4: So sánh tỉ lệ bị bạo lực gia đình ở PN DTTS và phụ nữ Kinh



Tình trạng lạm dụng trong hôn nhân dẫn tới bạo lực khi người phụ nữ và trẻ em gái phải gánh trên mình quá nhiều công việc, từ lao động sản xuất đến các hoạt động chăm sóc gia đình... Nhiều phụ nữ DTTS có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra hơn là phụ nữ người Kinh¹⁶ (Hình 4).

Nguồn: Ủy ban Dân tộc, UN Women, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 25)

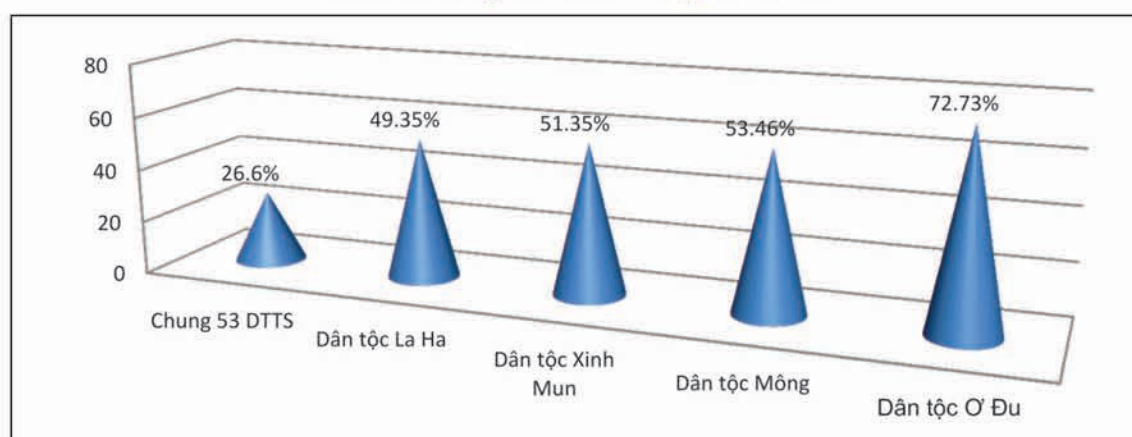
- 13 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 75 -76).
- 14 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 25).
- 15 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 25).
- 16 PGS, TS Đặng Thị Hoa, 2019, Những thách thức, rào cản phụ nữ dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển - tổng quan thực trạng và hàm ý chính sách. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Về phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau, Nxb Đại học Quốc gia (tr 12).

5. Tình trạng tảo hôn vẫn diễn ra ở nhiều nhóm DTTS, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe và cơ hội của trẻ em gái DTTS.

Năm 2015, có 40 tỉnh/thành phố trong cả nước có trường hợp kết hôn ở độ tuổi trẻ em¹⁷, đặc biệt một số nhóm DTTS có tỷ lệ tảo hôn trên 50%¹⁸ (Hình 5). Trong tổng số 2.991 trường hợp trẻ em DTTS dưới 16 tuổi đã kết hôn, số lượng trẻ em gái nhiều hơn trẻ em trai tới **3,4 lần** (685 trẻ em trai và 2.306 trẻ em gái). Riêng dân tộc Mông, trong 1.262 trường hợp tảo hôn có 463 trẻ em trai và 799 trẻ em gái; dân tộc Thái, 459/459 trường hợp là trẻ em gái¹⁹.

Tảo hôn đe dọa cuộc sống hiện tại và tương lai của trẻ em gái và phụ nữ, khiến họ mất đi quyền tự định đoạt trong cuộc sống; làm mất đi cơ hội học tập, đào tạo; khiến họ dễ bị bạo hành, phân biệt đối xử và lạm dụng hơn; làm hạn chế sự tham gia của họ vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội²⁰. Kết hôn sớm, sinh con khi người phụ nữ chưa phát triển hoàn thiện về mặt tâm, sinh lý có thể gây ra nhiều hệ lụy như đẻ non, thai nhi kém phát triển, suy dinh dưỡng, thể trạng yếu... Mang thai, sinh con ở tuổi vị thành niên, người mẹ chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về chăm sóc, nuôi dạy con cái, trẻ ít được quan tâm, nuôi nấng đúng cách, nguy cơ nhẹ cân, mắc các bệnh truyền nhiễm²¹. Tảo hôn, kết hôn trẻ em cũng thường đi kèm với mang thai sớm và đẻ dày, dẫn đến tăng tỉ lệ tử vong bà mẹ²².

Hình 5: Tỷ lệ tảo hôn ở một số DTTS



Nguồn: Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tổng hợp từ biểu 1.8, tr189)

17 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 24).

18 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 19).

19 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 20).

20 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 19)

21 Irish Aid, Ủy ban Dân tộc, UNDP, 2015, Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2015 (tr 84).

22 Ủy ban dân tộc, UN Women, 2016, Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tr 19).

6. Hôn nhân cận huyết thống để lại hậu quả nặng nề trong nhiều cộng đồng DTTS

Năm 2015, vẫn còn 47/53 DTTS có tình trạng kết hôn cận huyết với các mức độ khác nhau và tỉ lệ nữ DTTS cao hơn nam DTTS. Trong 47.224 trường hợp kết hôn cận huyết DTTS, trong đó nam là 22.247 người (chiếm 47,11%) và nữ 24.977 nữ (chiếm 52,89%)²³.

Hôn nhân cận huyết dẫn đến nhiều hệ lụy, làm suy yếu giống nòi, sinh con dị dạng, mang nhiều bệnh di truyền, nguy cơ tử vong cao và có liên quan đến tình trạng nghèo đói của một số nhóm DTTS. Mỗi quan hệ giữa tử vong trẻ dưới 1 tuổi với hôn nhân cận huyết đặc biệt đúng ở dân tộc có tỉ lệ hôn nhân cận huyết rất cao là dân tộc Mảng. Tỉ lệ kết hôn cận huyết ở người Mảng lên đến 44%. Đây cũng là một trong những dân tộc có tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi cao nhất - cứ 1.000 trẻ sinh ra có đến 45 trẻ tử vong trước khi được 1 tuổi²⁴. Bên cạnh đó, tuổi thọ trung bình của nhóm có tỉ lệ kết hôn cận huyết cao (như La Hủ, Lự, Chứt, Mảng, Si La và Cơ Lao) chỉ vào khoảng 62-65 tuổi, thấp hơn mức trung bình của cả nước trên 10 tuổi²⁵.

7. Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong hộ gia đình DTTS đang đặt nhiều hơn vào phụ nữ và trẻ em gái

Nhận thức của phụ nữ DTTS và cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng nặng nề bởi định kiến và khuôn mẫu giới về phân công công việc trong gia đình, áp đặt công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm trong gia đình là trách nhiệm, nghĩa vụ của phụ nữ.

Theo số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới năm 2017, ở một số dân tộc như Xơ Đăng, Ê đê, Chăm, Khmer tổng thời gian trung bình của phụ nữ dành cho các công việc gia đình mỗi ngày là 3,6 giờ, trong khi của nam giới là 2,0 giờ, nghĩa là, số giờ làm công việc gia đình không được trả công của phụ nữ cao gấp 1.8 lần so với nam giới (Hình 6)²⁶.

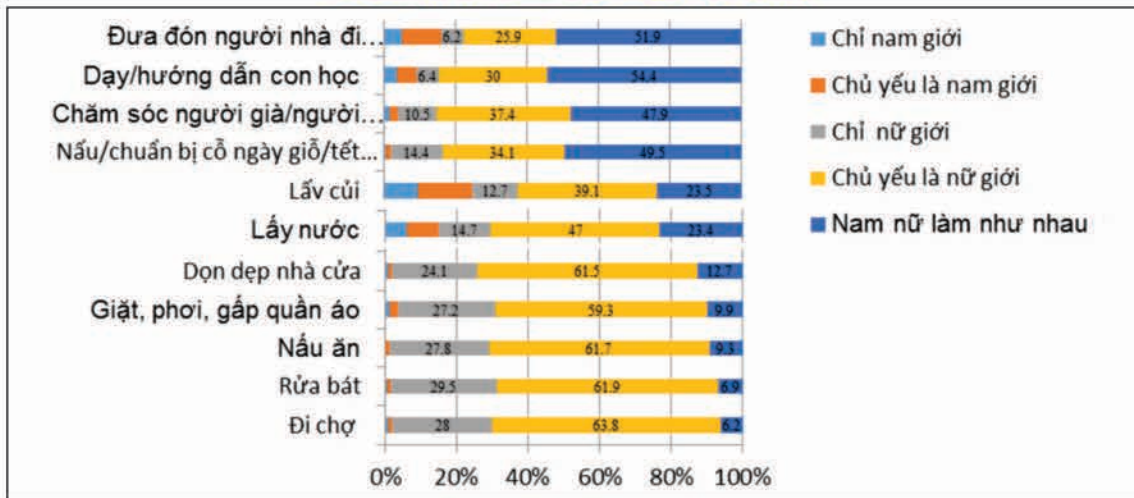
23 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 24).

24 Irish Aid, Ủy ban Dân tộc, UNDP, 2015, Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2015 (tr 84).

25 Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 26).

26 TS. Trần Thị Hồng, Công việc gia đình không được trả công của phụ nữ dân tộc thiểu số. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau", Nxb Đại học Quốc gia, 2019 (tr 100).

Hình 6: Vai trò của phụ nữ và nam giới trong thực hiện các công việc không được trả công



Nguồn: Công việc gia đình không được trả công của phụ nữ dân tộc thiểu số, khảo sát năm 2017²⁷

8. Tình trạng mua bán phụ nữ và trẻ em diễn biến phức tạp, nhất là vùng DTTS, miền núi

Trong 5 năm (2012-2017) số nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán là 3.090 người, trong đó 90% nạn nhân bị bán sang Trung Quốc, chủ yếu nữ, trẻ em (chiếm trên 90%), đa số thuộc các DTTS (chiếm trên 80%), thường tập trung ở những vùng nông thôn, miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa, phần lớn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn²⁸. Nạn nhân của các vụ mua bán người thường chủ yếu làm nô lệ tình dục, lao động cưỡng bức, lấy nội tạng, bào thai, đẻ thuê, cưỡng ép hôn nhân... Từ năm 2018-2019, cơ quan Công an đã phát hiện tại Nghệ An có 25 trường hợp phụ nữ Khơ Mú mang thai bị rửa rơ, lôi kéo sang Trung Quốc bán bào thai²⁹.

Tình trạng bắt cóc, chiếm đoạt phụ nữ, trẻ em đưa sang Trung Quốc cũng diễn biến phức tạp ở các tỉnh biên giới phía Bắc như Hà Giang, Lào Cai... Đặc biệt, thời gian gần đây, phát hiện một số phụ nữ dân tộc Mông ở Điện Biên sang Trung Quốc lấy chồng trở về móc nối với một số đối tượng là người dân tộc Mông ở Lai Châu, Điện Biên, Thanh Hóa lợi dụng quan hệ thân tộc vượt biên sang Hủa Phăn, Phong Sa Lý... (Lào) để lừa phụ nữ Mông (Lào) đưa sang Trung Quốc bán vào các động mại dâm hoặc hôn nhân trái phép. Một số đối tượng xấu giả danh là Công an, Biên phòng trên mạng xã hội Zalo, Facebook... để kết bạn làm quen phụ nữ, hứa hẹn, sau đó, lừa bán sang Trung Quốc³⁰.

27 TS. Trần Thị Hồng, 2019, Công việc gia đình không được trả công của phụ nữ dân tộc thiểu số. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau", Nxb Đại học Quốc gia (tr 100).

28 PGS, TS Đặng Thị Hoa, 2019, Tổng quan về chính sách và thực tiễn một số vấn đề xã hội đang là rào cản cho sự phát triển của phụ nữ dân tộc thiểu số. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau", Nxb Đại học Quốc gia (tr 109).

29 Báo cáo Hội LHPN tỉnh Nghệ An, tháng 01/2019.

30 TS Lê Thị Thu Dung, Tình hình tội phạm mua bán người trong giai đoạn hiện nay và một số giải pháp phòng ngừa, VKSND thành phố Hải Phòng, <http://www.vksndtc.gov.vn/khac-959>

9. Tỷ lệ phụ nữ DTTS tham gia hệ thống chính trị còn thấp

Nữ cán bộ công chức là người DTTS chỉ chiếm 23,79% tổng số cán bộ công chức các xã vùng DTTS. Chỉ có 14,58% phụ nữ DTTS làm việc trong các cơ quan Đảng, 13,25% làm việc trong Hội đồng nhân dân và gần 25% làm việc tại cơ quan hành chính cấp xã ở các vị trí như văn thư, hành chính, kế toán, tài vụ (Hình 7). Như vậy có thể thấy tỷ lệ phụ nữ DTTS giữ các vị trí lãnh đạo có quyền quyết định chính sách tương đối thấp, phản ánh thực trạng bất bình đẳng giới trong tham gia xây dựng và thực hiện chính sách của phụ nữ DTTS³¹.

Nhiệm kỳ 2016-2020, số lượng nữ ủy viên Bộ Chính trị: 3/18 người là nữ (trong đó có 1 nữ DTTS). Về ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, có 20/196 ủy viên (cả dự khuyết và chính thức) là nữ, trong đó có 2/20 người là nữ DTTS đều là ủy viên chính thức³². Như vậy, nhiệm kỳ này ghi nhận một bước đột phá về vị trí chủ chốt mà phụ nữ Việt Nam được giao trong hệ thống Đảng, nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với nam giới³³.

Trong Quốc hội khóa XIV có 131 đại biểu nữ/494 đại biểu (chiếm 27,01%); có 41 đại biểu nữ là người các dân tộc thiểu số (chiếm 32,30% tổng số đại biểu nữ)³⁴.

Bên cạnh đó, theo thống kê tại toàn bộ các xã/phường/thị trấn trên địa bàn cả nước cho thấy, tỷ lệ cán bộ công chức nữ là người DTTS tại các cơ quan/tổ chức thấp hơn nhiều so với tỷ lệ chung và so với nam DTTS (Hình 7).

Hình 7: Tỷ lệ cán bộ, công chức xã/phường/thị trấn là người DTTS (Đơn vị %)

Cơ quan/tổ chức	Nam	Nữ
Cơ quan Đảng	85,42	14,58
Hội đồng nhân dân	86,75	13,25
Hành chính cấp xã	75,01	24,99
Tổ chức chính trị - xã hội	70,08	29,92

Nguồn: Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018, Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (tr 390)

31 PGS, TS Đặng Thị Hoa, 2019, Những thách thức, rào cản phụ nữ dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển - Tổng quan thực trạng và hàm ý chính sách. In trong: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đề phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau”, Nxb Đại học Quốc gia (tr 12).

32 Cập nhật thời điểm tháng 9/2019 từ nguồn <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/khoa-xii?type=1>.

33 PGS, TS Trần Thị Minh Thị, 2018, Rào cản thể chế và văn hóa đối với sự tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam, https://vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/KhoaHocCongNghe/View_Detail.aspx?ItemID=55.

34 TS. Bùi Ngọc Thanh, 2019, Nữ Đại biểu Quốc hội Khóa XIV - tiềm năng và hoạt động thực tiễn, Báo Điện tử Đại biểu Nhân dân <http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=417578> và tổng hợp từ Danh sách những người trúng cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV là người DTTS (Danh sách nữ Đại biểu Quốc hội người DTTS do Vụ Dân tộc - Hội đồng Dân tộc của Quốc hội khóa XIV cung cấp).

PHẦN II:

MỘT SỐ CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

Đã có nhiều căn cứ pháp lý về lồng ghép giới và áp dụng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (quốc gia và quốc tế) cho thấy cần tiếp tục cụ thể hóa thực hiện toàn diện và quan tâm thực hiện đầy đủ trên thực tế.

1. Điều 5 và điều 26, Hiến pháp (năm 2013).
2. Khoản 5, điều 7, Luật Bình đẳng giới.
3. Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ thời kỳ CNH, HĐH đất nước (năm 2007), Chỉ thị 21/CT-TW ngày 20/1/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.
4. Điều 47 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2008).
5. Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10.5.2017 của Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện Chương trình nghị sự 2030.
6. Khoản 1 và Khoản 5 Điều 8, Luật Ngân sách nhà nước (năm 2015).
7. Việt Nam gia nhập Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) ngày 6.9.1981; gia nhập Công ước CEDAW năm 1979 về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ (ngày 17/2/1982); năm 2015, cam kết thực hiện chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) với nguyên tắc *Không bỏ lại ai phía sau...*



Nguồn: Dzong Nguyễn

MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

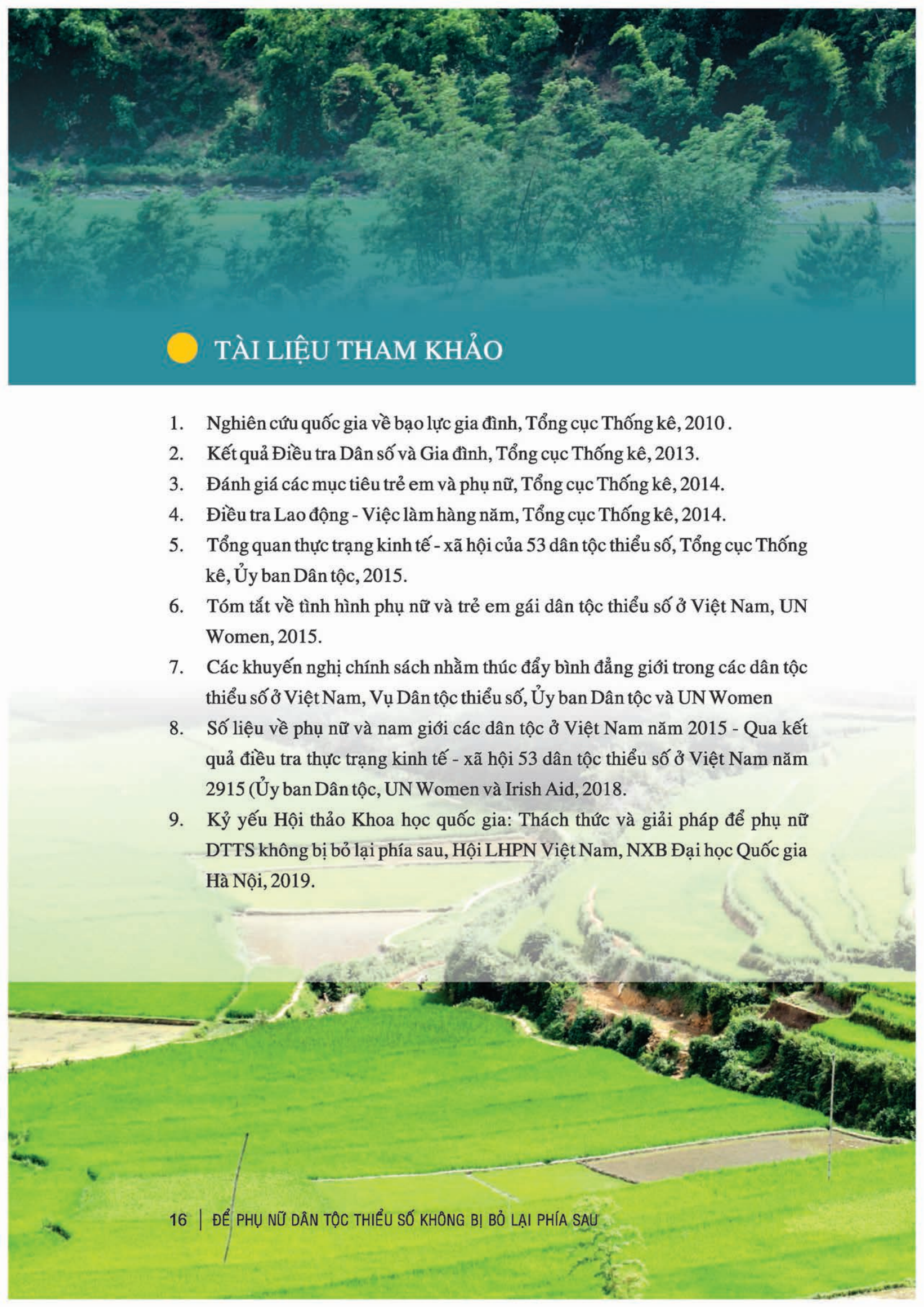
Để phụ nữ DTTS *Không bị bỏ lại phía sau* trong quá trình phát triển, rất cần thiết phải có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong khuôn khổ Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, miền núi và vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030 và những dự án cụ thể trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển vùng DTTS và miền núi, một số gợi ý/đề xuất chính sách bao gồm:

1. Đề nghị Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030, đảm bảo nguyên tắc lồng ghép giới trong suốt quá trình tổ chức thực hiện đề án. Bố trí dòng ngân sách giới để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu bình đẳng giới hiệu quả.

2. Đề nghị Quốc hội giao cho Chính phủ nghiên cứu, cụ thể hóa các nội dung chính sách trong nội dung dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 với tên gọi ***Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề bức thiết đối với phụ nữ và trẻ em.***

3. Tập trung đầu tư nguồn lực cho các gói chính sách hỗ trợ có điều kiện đối với phụ nữ DTTS gồm:

- (1) Gói hỗ trợ cho cộng đồng DTTS rất ít người giải quyết vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết (16 dân tộc có dưới 10.000 người);
- (2) Gói dịch vụ hỗ trợ thực hiện chương trình làm mẹ an toàn cho phụ nữ vùng DTTS (hỗ trợ thai sản cho phụ nữ DTTS, khám thai định kỳ, gói đẻ sạch, cô đỡ thôn bản);
- (3) Gói hỗ trợ xóa mù chữ, chống tái mù chữ cho phụ nữ từ 35-50 tuổi thông qua mô hình sinh kế bền vững...;
- (4) Gói hỗ trợ cho phụ nữ DTTS tái hòa nhập sau mua bán người, lấy chồng nước ngoài trở về;



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình, Tổng cục Thống kê, 2010.
2. Kết quả Điều tra Dân số và Gia đình, Tổng cục Thống kê, 2013.
3. Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ, Tổng cục Thống kê, 2014.
4. Điều tra Lao động - Việc làm hàng năm, Tổng cục Thống kê, 2014.
5. Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số, Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc, 2015.
6. Tóm tắt về tình hình phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số ở Việt Nam, UN Women, 2015.
7. Các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Vụ Dân tộc thiểu số, Ủy ban Dân tộc và UN Women
8. Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 - Qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam năm 2015 (Ủy ban Dân tộc, UN Women và Irish Aid, 2018).
9. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: Thách thức và giải pháp để phụ nữ DTTS không bị bỏ lại phía sau, Hội LHPN Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.